

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIA
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đăng Duy.
2. Bà Phạm Thị Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T kết hôn với anh Đặng Văn T vào năm 2016, trước khi kết hôn có được tìm hiểu, yêu thương nhau được mấy tháng và tự nguyện đến với nhau, không bị ép buộc, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về Thôn K, xã T, huyện B chung sống với nhau hạnh phúc. Hai vợ chồng chung sống với nhau được mấy tháng thì mâu thuẫn phát sinh, lý do anh Đặng Văn T thường xuyên đi chơi đêm về muộn; mặt khác tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn vụn vặt trong gia đình ngày càng nhiều nên anh Đặng Văn T thường xuyên chửi bới, đánh chị Bàn Thị T. Sự việc anh Đặng Văn T đánh chị Bàn Thị T không ai được biết. Do thời điểm đó chỉ có mỗi hai vợ chồng ở với nhau. Gia đình chỉ được biết khi chị Bàn Thị T kể lại. Gia đình có khuyên răn anh Đặng Văn T nhưng anh Đặng Văn T không thay đổi. Đến tháng 3 năm 2020 (âm lịch), thấy không thể chung sống được nữa, chị Bàn Thị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 8, xã Ia Pior, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai sinh sống cho đến nay. Được khoảng 1 tuần sau đó, anh Đặng Văn T có vào nhà bố mẹ chị Bàn Thị T xin lỗi, đón chị Bàn Thị T về Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn làm ăn sinh sống nhưng chị Bàn Thị T không về. Từ tháng 3 năm 2022 chị Bàn Thị T đã cắt hộ khẩu thường trú về thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Hiện nay chị Bàn Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn anh Đặng Văn T; Tòa án đã tiến hành lấy lời khai tại nơi cư trú cho biết đã nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên không đến Tòa án tham gia tố tụng với lý do bận đi làm; anh Đặng Văn T không có thắc mắc, khiếu nại gì trong quá trình giải quyết của Tòa án và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Về nội dung vụ án anh Đặng Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Bàn Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Pior, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai vào năm 2016. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Do tình cảm không còn, hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị Bàn Thị T yêu cầu ly hôn nên anh Đặng Văn T đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Đặng Văn T không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Bàn Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận

đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Bàn Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt tại Tòa án có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bàn Thị T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn chị Bàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Bàn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Đặng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn T là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai nên quan hệ hôn nhân giữa chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T là hợp pháp. Nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Chị Bàn Thị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn 8, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đặng Văn T cũng đồng ý ly hôn; tuy nhiên tại phiên tòa vắng mặt anh Đặng Văn T. Vì vậy, chị Bàn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Đặng Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy

định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn T trình bày là không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Bàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Bàn Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005551 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Bàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Bàn Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005551 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bàn Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đặng Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt